

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA BỂ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HS-ST**

Ngày: 15 - 6 - 2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: Lưu Xuân Thảo

Ông Dương Xuân Trường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hứa Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Hứa Thị Hồng Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2021/TLST-HS, ngày 05 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/HSST-QĐ ngày 18/5/2021 đối với bị cáo:

**Bùi Ngọc T** (tên gọi khác: Bùi Ngọc S), sinh ngày 22/6/1972 tại huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi ĐKKHKT tại: Thôn H, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: T5, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp hiện nay: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Ngọc T và bà Đặng Thị H; Vợ: Đặng Thị Ng (Đã chết); Con: 02 con (Con lớn 28 tuổi, con nhỏ 18 tuổi); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Hoàng Văn V - sinh năm 1988, Trưởng ban phát triển thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; (Vắng mặt)

2. Triệu Minh Ch - sinh năm 1984, Trưởng Ban phát triển thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; (Vắng mặt)

3. Nguyễn Việt Tr - sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn K, xã Th, huyện , tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

4. Hoàng Thị T - sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn M, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH H, có Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Mã số doanh nghiệp số 4700164025) do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu vào ngày 12/12/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/6/2012 với ngành, nghề kinh doanh: *“Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: san lấp mặt bằng, phá đá, nổ mìn; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác...”* có trụ sở tại T 5, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Khi thành lập Công ty có 02 thành viên góp vốn gồm: ông Trần Xuân T, trú tại X 3, xã Đ, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1972, trú tại X 7, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình, người đại diện của Công ty là Bùi Ngọc T – chức danh: Giám đốc Công ty. Công ty TNHH H thuê bà Hoàng Thị T (sinh năm 1985. Trú tại: thôn M, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) làm kế toán, hình thức hoạch toán kế toán: Chứng từ ghi sổ. Công ty TNHH H kê khai và nộp thuế tại Cục thuế tỉnh Bắc Kạn. Hình thức kê khai nộp thuế giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ thuế.

Quá trình hoạt động kinh doanh, Bùi Ngọc T là giám đốc Công ty TNHH H đã ký kết và thực hiện các Hợp đồng cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công tại địa bàn xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, cụ thể:

- Ngày 04/10/2014 Bùi Ngọc T (bên B) ký Hợp đồng cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công số 01/2014/HĐ - CUVL với Ban phát triển xây dựng nông thôn mới thôn T, xã A, huyện P, Trưởng Ban phát triển thôn T là ông Hoàng Văn V (bên A), về việc cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công và đổ bê tông đường liên thôn từ quán nhà ông T đến nhà ông S (đoạn từ quán nhà ông T đến Kh) thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn với tổng giá trị hợp đồng là 713.898.276 đồng (trong đó: Chi phí vật liệu xây dựng là 677.259.415 đồng; chi phí máy thi công là 36.638.861 đồng). Sau khi hoàn thành công trình, ngày 29/12/2014, Ban Phát triển xây dựng nông thôn mới thôn T và Công ty TNHH H đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình. Ngày 02/01/2015 lập biên bản thanh lý hợp đồng với giá trị hợp đồng là 713.898.276 đồng, Công ty TNHH H đã được Ban phát triển xây dựng nông thôn mới thôn T thanh toán đủ số tiền.

- Ngày 05/10/2015, Bùi Ngọc T ký Hợp đồng cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công số 06/2015/HĐ - CUVL với Ban phát triển xây dựng nông thôn mới thôn T, xã A, huyện P, Trưởng Ban phát triển thôn T là ông Hoàng Văn V,

về việc cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công và đổ bê tông đường liên thôn từ quán nhà ông T đến nhà ông S (đoạn từ Kh đến đập nương C) thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn với tổng giá trị hợp đồng là 358.944.159 đồng (trong đó: Chi phí vật liệu xây dựng là 333.306.711 đồng; chi phí máy thi công là 25.637.448 đồng). Sau khi hoàn thành công trình, ngày 15/12/2015, Ban Phát triển xây dựng nông thôn mới thôn T và Công ty TNHH H đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình. Ngày 01/4/2016 lập biên bản thanh lý hợp đồng với giá trị hợp đồng là 358.944.159 đồng, Công ty TNHH H đã được Ban phát triển xây dựng nông thôn mới thôn T thanh toán đủ số tiền.

- Ngày 05/10/2015, Bùi Ngọc T (bên B) ký Hợp đồng cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công số 07/2015/HĐ - CUVL với Ban phát triển xây dựng nông thôn mới thôn N, xã A, huyện P, Trưởng Ban phát triển thôn N là ông Triệu Minh Ch (bên A), về việc cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công và đổ bê tông đường liên thôn đoạn từ Bưu điện văn hóa xã đến nhà ông Triệu Văn Nh thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn với tổng giá trị hợp đồng là 417.925.703 đồng (trong đó: Chi phí vật liệu xây dựng là 331.915.519 đồng; chi phí máy thi công là 86.010.184 đồng). Sau khi hoàn thành công trình, ngày 15/12/2015, Ban Phát triển xây dựng nông thôn mới thôn N và Công ty TNHH H đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình. Ngày 01/4/2016 lập biên bản thanh lý hợp đồng, Công ty TNHH H đã được Ban phát triển xây dựng nông thôn mới thôn N thanh toán đủ số tiền 417.925.703 đồng.

Các công trình trên đều do UBND xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là chủ đầu tư, được thực hiện từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Toàn bộ các công trình trên với tổng số tiền 1.490.768.138 đồng (*Một tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm ba mươi tám đồng*) nhận được từ các Ban phát triển nông thôn đều không được Bùi Ngọc T - Giám đốc Công ty TNHH H giao cho kế toán công ty là chị Hoàng Thị T để cập nhật vào sổ sách kế toán của Công ty, đồng thời không xuất hóa đơn bán hàng của các công trình trong các năm 2014, 2015 và 2016. Hành vi của Bùi Ngọc T đã bị Phòng Kinh tế Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn phát hiện.

Ngày 18/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định trưng cầu giám định số 22 trưng cầu Cục thuế tỉnh Bắc Kạn giám định việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong các năm 2014, 2015 và năm 2016 của Công ty TNHH H.

Ngày 18/5/2019, Cục thuế tỉnh Bắc Kạn có kết luận giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số 22 ngày 18/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: “Công ty TNHH H không kê khai doanh thu, không ghi chép trong sổ kế toán đối với 03 hợp đồng cung ứng vật liệu, máy thi công: Đổ bê tông đường liên thôn từ quán nhà ông T đến nhà ông S (đoạn từ nhà ông Tàn đến Kh) thôn T, xã A, huyện P; Đổ bê tông đường liên thôn từ quán nhà ông T đến nhà ông S (đoạn từ Kh đến đập nương C) thôn T, xã A, huyện P; Đường N – N (đoạn từ Bưu điện Văn Hóa xã đến nhà ông Triệu

Văn Nh) thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là hành vi trốn thuế do vi phạm Khoản 2 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội “...2. *Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp*”.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xác định Bùi Ngọc T - Giám đốc Công ty TNHH H, ngoài hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều 108 Luật quản lý thuế thì còn có hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa,... đối với 03 hợp đồng trên và đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số: 02/CSĐT: Giám định viên tư pháp Cục thuế tỉnh Bắc Kạn, giám định bổ sung.

Ngày 18/10/2019, Cục thuế tỉnh Bắc Kạn, kết luận: “ Trong quá trình thi công, cung ứng vật tư, vật liệu cho 03 công trình trên, Công ty TNHH H không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa... là vi phạm pháp luật về thuế (hành vi trốn thuế) quy định tại khoản 3 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc Hội: ... “3. *Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;*”. Tổng số tiền trốn thuế là **171.741.536 đ** (Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Thuế giá trị gia tăng là **137.804.560 đ** (Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm linh tư nghìn năm trăm sáu mươi đồng), Thuế thu nhập doanh nghiệp là **33.936.976 đ** (Ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng).

Với hành vi trên, Cáo trạng số: 09/CT-VKS-BB ngày 04/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội "*Trốn thuế*" theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội "*Trốn thuế*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 161 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, Điều 36, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn một mình đang nuôi hai con đang ăn học, vợ bị cáo đã chết, công ty không còn hoạt động, nên miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự: Bị cáo Bùi Ngọc T phải nộp lại toàn bộ số tiền thuế đã trốn là **171.741.536 đ** (*Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp số tiền là **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 03645 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn nên tạm giữ để nộp vào Ngân sách Nhà nước, bị cáo còn phải nộp lại số tiền còn lại là **71.741.536 đ** (*Bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*) tiền trốn thuế để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo khoản 2 Điều 357/BLDS

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn và Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt*:

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trốn thuế là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trong các ngày 04/10/2014 và ngày 05/10/2015 Bùi Ngọc T (bên B) ký 03 Hợp đồng cung ứng vật tư, vật liệu, máy thi công với Ban phát triển xây dựng nông thôn mới thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn nhưng không kê khai doanh thu, không ghi chép trong sổ kế toán và không xuất hóa đơn khi bán hàng của Công

ty là hành vi trốn thuế do vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội “...2. Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp”;... “3. Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;” . Loại thuế trốn và số thuế trốn là thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng số tiền trốn thuế là **171.741.536 đ** (Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Thuế giá trị gia tăng là **137.804.560 đ** (Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm linh tư nghìn năm trăm sáu mươi đồng), Thuế thu nhập doanh nghiệp là **33.936.976 đ** (Ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng).

Do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018, mức hình phạt của tội “Trốn thuế” quy định tại Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhẹ hơn mức hình phạt của tội “Trốn thuế” quy định tại Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi phạm tội của bị cáo bị xét xử theo Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, Kết luận của Hội đồng giám định, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Trốn thuế”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009:

*“1. Người nào trốn thuế với số tiền từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng hoặc dưới một trăm triệu đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 164, 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ một lần đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm.*

.....

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một lần đến ba lần số tiền trốn thuế.”.*

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã căn cứ vào khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều "*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*", "*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" và "*.... khắc phục hậu quả*" là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, đã xâm phạm đến các quy định về quản lý thuế và làm thất thu ngân sách Nhà nước, xâm hại nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, ảnh hưởng đến hoạt động lành mạnh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế và ảnh hưởng về nhiều mặt trong đời sống xã hội, nên cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục chung.

Theo quy định của điều luật về tội danh và hình phạt, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi ở rõ ràng, cho nên áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo được quy định tại Điều 36/BLHS. Theo quy định tại Điều 36/BLHS quy định về việc khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước, tuy nhiên đối với bị cáo Bùi Ngọc T hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn một mình bị cáo đang nuôi hai con ăn học, vợ bị cáo đã chết, công ty không còn hoạt động, nên việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo không có tính khả thi. Do vậy miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 161 quy định về hình phạt bổ sung đó là Phạt tiền, tuy nhiên đối với bị cáo Bùi Ngọc T hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn một mình bị cáo đang nuôi hai con ăn học, vợ bị cáo đã chết, công ty không còn hoạt động, nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo không có tính khả thi, cho nên không áp dụng đối với bị cáo.

[4] *Về biện pháp tư pháp*: Bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp theo giá trị phải nộp theo các hợp đồng đã ký kết, để nộp ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là **171.741.536 đ** (*Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng*). Đối với số tiền bị cáo đã nộp là **100.000.000đ** (*Một trăm triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn để khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm của bị cáo theo biên lai số: 03645 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn cần tạm giữ để nộp vào Ngân sách nhà nước, số tiền còn lại bị cáo phải nộp là **71.741.536 đ** (*Bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo khoản 2 Điều 357/BLDS.

[5] *Về vấn đề khác:* Trong vụ án này, thành viên trong công ty TNHH H là ông Trần Xuân T là thành viên của Công ty nhưng đã rút vốn khỏi công ty trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bà Hoàng Thị Huệ là kế toán của công ty không liên quan đến hành vi phạm tội trốn thuế của bị cáo nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với các ông Nguyễn Viết Tr, ông Hoàng Văn V và ông Triệu Minh Ch là các trưởng Ban phát triển thôn T và thôn N, xã A, huyện P; Ủy ban nhân dân xã A, huyện P; Phòng tài chính - kế hoạch huyện P, Kho bạc Nhà nước huyện P, tỉnh Bắc Kạn, đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, không có hành vi vi phạm.

[6] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc T (*tên gọi khác là Bùi Ngọc S*) phạm tội “*Trốn thuế*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7, Điều 36, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14.

- Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

\* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48/BLHS: Buộc bị cáo phải nộp số tiền trốn thuế là 171.741.536 đ (*Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng*) để sung quỹ nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của bị cáo theo biên lai số: 03645 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải nộp số tiền còn lại là 71.741.536 đ (Bảy mươi một triệu bảy trăm bốn một nghìn năm trăm ba sáu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo khoản 2 Điều 357/BLDS

\* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Ngọc T phải chịu 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)
- Công an huyện Ba Bể; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Hùng**